

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 612/BVSN-KD
V/v mời chào giá bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và các vật tư y tế trong chăm sóc người bệnh

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Văn bản số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-BVSN ngày 12/01/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư, hóa chất, y dụng cụ phục vụ hoạt động thường xuyên của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh;

Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm các loại bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và các vật tư y tế trong chăm sóc người bệnh (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vật tư tiêu hao nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 23/6/2022 đến trước 16 giờ 00 ngày 30/6/2022.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (*Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*)

Điện thoại liên hệ: 02033.696568 hoặc 0915.694.888

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt (Phê duyệt);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Duy Long

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thư mời ngày 23/6/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh)

ST T	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ dự kiến
	1 Bơm tiêm			
1	Bơm tiêm nhựa 1ml loại 1	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml; cỡ kim 26G x 1/2"; 25G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát sắc, không có gờ. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCVN 5903 hoặc tương đương	Cái	20.000
2	Bơm tiêm nhựa 1ml loại 2	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26G x 1/2", Gioăng có núm, không chứa độc tố DEHP. Kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát, sắc, không có gờ. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886 hoặc tương đương	Cái	30.000
3	Bơm tiêm nhựa 5 ml loại 1	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml; cỡ kim 25G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCVN 5903 hoặc tương đương	Cái	100.000
4	Bơm tiêm nhựa 5 ml loại 2	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml các loại: Đầu xoắn và đầu thường, cỡ kim 23G x 1", 25G x 1". Pít tông có khóa bẻ gãy, không chứa DEHP. kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát, sắc, không có gờ. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886 hoặc tương đương	Cái	200.000
5	Bơm tiêm nhựa 10ml loại 1	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml; cỡ kim 25G x 1"; 23G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát sắc. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCVN 5903 hoặc tương đương.	Cái	50.000
6	Bơm tiêm nhựa 10ml loại 2	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml các loại : Đầu xoắn và đầu thường. Cỡ kim 23G x 1", 25G x 1", Pít tông có khóa bẻ gãy, không chứa DEHP. Kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát, sắc, không có gờ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886 hoặc tương đương	Cái	120.000

7	Bơm tiêm nhựa 20ml loại 1	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml; cỡ kim 23G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát sắc, không có gờ. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCVN 5903 hoặc tương đương	Cái	20.000
8	Bơm tiêm nhựa 20ml loại 2	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G x 1", 25G x 1". Pit tông có khóa bẻ gãy, không chứa chất DEHP. Kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát, sắc, không có gờ. Bề mặt gioăng phẳng. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886 hoặc tương đương	Cái	10.000
9	Bơm tiêm nhựa 50ml loại 1	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml. Pit tông có khóa bẻ gãy, không chứa chất DEHP. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886 hoặc tương đương	Cái	30.000
10	Bơm tiêm nhựa 50ml loại 2	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml. Vỏ xilanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCVN 5903 hoặc tương đương	Cái	30.000
11	Bơm cho ăn 50ml	Dung tích 50ml, cho ăn. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần, gasket (gioăng) làm bằng chất liệu cao su Y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001,13485,cGMP-FDA hoặc tương đương	Cái	2.000
	2 Kim tiêm			
12	Kim cánh bướm các số loại 1	Chất liệu Crom-Niken. Kim sắc nhọn, vát 3 mặt có tráng lớp silicon. Có đầu khóa vặn xoắn. Dây nối 30cm (\pm 5cm), không có DEHP, sử dụng thành phần chất hóa dẻo không độc hại với người như DEHT Các số từ 19G đến 25G Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10.000

13	Kim cánh bướm các số loại 2	<p>Chất liệu: Polypropylene, PVC, Polyethylene và thép không gỉ</p> <p>Kích thước kim: các cỡ từ 23G đến 25G; Chiều dài dây nối 30cm (± 5cm); Không độc, không gây sốt, được tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Cái	5.000
14	Kim lấy thuốc các số loại 1	<p>Kim các số. Kim được làm bằng thép không gỉ. Kim được phủ silicon. Được tiệt trùng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p>	Cái	180.000
15	Kim lấy thuốc các số loại 2	<p>Kim các số. Nguyên liệu: Hợp kim Niken, Crôm. Vi đưng có chỉ thị màu phân biệt. Không chứa độc tố DEHP.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	70.000
16	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số loại 1	<p>Kim luồn tĩnh mạch. Đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo, cơ chế tự động. Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Catheter nhựa có 4 đường cân quang ngầm, cỡ từ 18G - 24G .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, ISO 10555 hoặc tương đương.</p>	Cái	45.000
17	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số loại 2	<p>Kim luồn tĩnh mạch có cửa, có cánh, được làm bằng chất liệu FEP. Mũi kim hình nón. Có đầu bịt an toàn bằng nhựa, ôm lấy đầu kim khi rút ra. Thời gian lưu kim ≥ 96 giờ. Có 3 vạch cân quang ở thân catheter. Có tấm xốp vi lọc cuối chuỗi kim ngăn máu trào ngược. Các số từ 14G đến 24G. Có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE; ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	15.000
3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác				
18	Kim chọc dò tủy sống các số loại 1	<p>Kim gây tê tủy sống đầu kiểu Quinck có 3 mặt vát sắc. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim quan sát được dịch chảy ra. Que thông nòng có màu theo quy ước ISO & DIN. Các cỡ G18, G20, G22, G25, G27. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	5.000
19	Kim chọc dò tủy sống cỡ 14G	<p>Kim chọc dò tủy sống. Kim sắc, cắt vát 2 đầu, catheter chất liệu ETFE trong suốt, nhìn được dòng máu trong lòng kim; chiều dài catheter ≥ 51 mm; kích thước trong $\leq 1,73$ mm; kích thước ngoài 2,17 mm ($\pm 5\%$); tốc độ dòng chảy 305 ml/ phút ($\pm 5\%$)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương</p>	Cái	50

20	Bộ gây tê ngoài màng cứng loại 1	<p>Bộ gây tê ngoài màng cứng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - kim gây tê ngoài màng cứng đầu cong cỡ G18 dài 80mm đường kính 1,3mm; có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter chất liệu polyamide, dài 1000mm, đầu Catheter có 3 lỗ thoát thuốc, đầu thuôn nhỏ dần, có đường cân quang ngầm. - Đầu nối catheter dạng nắp bịt. - Màng lọc vi khuẩn 0,2µm. - Bơm tiêm 20ml, 3ml, kim tiêm thường. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Bộ	7.000
21	Bộ gây tê ngoài màng cứng loại 2	<p>Bộ gây tê ngoài màng cứng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống thông ngoài màng cứng với đường kính ngoài là 0,88mm (±0,02mm) và bên trong đường kính của ống là 0,45mm, làm bằng vật liệu Pebax (polyamide), chiều dài của ống thông ngoài màng cứng là 100cm (± 5%). có một đường bích xa dọc theo ống hoàn chỉnh - Kim tuohy G18 x 90mm - Catheter 20G x 100cm - Màng lọc với kích thước lỗ 0,2 micron - Bơm tiêm 10ml <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Bộ	500
22	Bộ gây tê ngoài màng cứng và tủy sống phối hợp	<p>Bộ gây tê ngoài màng cứng và tủy sống phối hợp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim gây tê tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc; - Kim gây tê ngoài màng cứng có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim và có lỗ mở phía trên đầu cong của kim; - Catheter gây tê màng cứng chất liệu polyamide có lỗ. - Ống bơm tiêm; - Màng lọc vi khuẩn 0,2µm. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương</p>	Bộ	500
4. Dây truyền, dây dẫn				
23	Dây truyền dịch có kim bướm	<p>Dây truyền dịch gắn kim bướm 2 cánh 23G x 1", đầu kim sắc nhọn, độ dài dây ≥ 155cm cấu tạo từ nhựa PVC nguyên sinh. Không chứa DEHP. Bầu đếm giọt có màng lọc, thể tích bầu ≥6ml, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ ml. Đầu kết nối có gen xoay chặt với đốc kim tiêm và kim luồn. Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương</p>	Bộ	8.000

24	Dây truyền dịch không liền kim	Chiều dài dây ≥ 180 cm. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng-mềm. Màng lọc vi khuẩn, virus tại van thông khí. Sử dụng thành phần chất hóa dẻo không độc hại với người (như DEHT hoặc tương đương). Đường kính trong 3 mm, đường kính ngoài 4,1 mm. Cửa bơm thuốc hình chữ Y có van cao su. Đầu khóa xoắn vặn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Bộ	35.000
25	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Dây nối bơm tiêm điện: Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Không chứa latex. Thể tích tồn dư ≤ 1 ml. Sử dụng thành phần chất hóa dẻo không độc hại với người (như DEHT hoặc tương đương). Đường kính trong 0,9 mm, đường kính ngoài 1,9 mm. Độ dài của dây ≥ 140 cm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	13.000
26	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối bơm tiêm điện: Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Không chứa latex. Thể tích tồn dư $\leq 0,6$ ml. Sử dụng thành phần chất hóa dẻo không độc hại với người (như DEHT hoặc tương đương). Đường kính trong 0,9 mm, đường kính ngoài 1,9 mm. Độ dài của dây ≥ 75 cm. Được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	30.000
27	Khóa ba chạc có dây	Khóa 3 chạc có dây dài ≥ 25 cm. Chống nứt gãy, rò rỉ. Thời gian sử dụng 96 giờ. Vật liệu Polyamid. Dây nối không có chất hóa dẻo gây độc DEHP. Thể tích mỗi 2ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	800
28	Khóa ba chạc không dây	Chống nứt gãy, rò rỉ. Chịu được áp lực cao. Thời gian sử dụng 96 giờ. Vật liệu Polyamid. Thể tích mỗi 0,26 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	5.000
29	Dây truyền máu loại 1	Dây truyền máu dài ≥ 180 cm, có màng lọc với kích thước lỗ lọc từ 175- 210 μ m. Chất liệu dây: Vinyl Chloride, có kim truyền không cánh cỡ 18G, được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2.500

30	Dây truyền máu loại 2	Dây truyền máu chất liệu PVC. Dây dài ≥ 165 cm. Có kim 21G x 1½", đầu kim sắc nhọn vát 3 cạnh. Bầu nhỏ giọt có màng lọc khí. Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, kích thước lỗ lọc 200 μ m. Đường kính sợi lọc 0,1 - 0,01 mm. Đường kính lỗ lọc 0,2 - 0,01 mm. Không độc, không gây sốt, chống rò rỉ. Được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1.000
6 Túi, lọ và vật tư bao gói khác				
31	Túi máu ba	Có cấu trúc gồm 3 túi: - Túi 1 : dung tích 250ml chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu : Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD 100 ml dung dịch CPD có: Citric Acid (anhydrous) 0,299 g ; Sodium Citrate (dihydrate) 2,63 g; Monobasic Sodium Phosphate (dihydrate) 0,222 g; Dextrose (anhydrous) 2,55 g; Water for injections to 100 mL - Túi 2 : dung tích 250ml để chứa huyết tương. Ống dây túi dài 260 \pm 15 mm Túi có thể bảo quản hồng cầu, huyết tương, tiểu cầu tới 5 ngày - Túi 3 : dung tích 250ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5. Ống dây túi dài 260 \pm 15 mm Túi chứa 56 ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	4.000
32	Túi máu bốn	-Bộ túi có cấu trúc, sơ đồ nối dây phù hợp theo phương pháp điều chế khối tiểu cầu từ buffy coat kiểu đỉnh đỉnh, bao gồm 4 túi: Túi 1: + Dung tích 250ml để chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu + Túi chứa dung dịch chống đông và bảo quản CPD hoặc tương đương + Ống dây lấy máu dài ≥ 950 mm, có ≥ 12 mã số, có kẹp để khóa, và có chụp đầu kim an toàn. + Trên ống dây lấy máu có nhánh lấy mẫu chân không. + Kim lấy máu cỡ 16G. Túi 2: + Dung tích ≥ 250 ml để chứa huyết tương, tiểu cầu Túi 3: + Dung tích ≥ 250 ml, túi chứa dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 hoặc tương đương cho phép bảo quản khối hồng cầu ≥ 42 ngày ở nhiệt độ 4oC \pm 2oC. Túi 4: + Dung tích khoảng 70 - 90ml để chứa buffy coat. - Tất cả dây lấy máu, dây nối giữa các túi có đường kính ngoài 4,4mm \pm 0,1 và đường kính trong 3mm \pm 0,1 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	50

33	Túi máu đơn	"Có dung tích 250ml để đựng máu toàn phần. - Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA -1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C ± 2 độ C. - 100 ml dung dịch CPDA-1 có: Citric Acid (anhydrous) 0,299g; Sodium Citrate (dihydrate) 2,63g; Monobasic Sodium Phosphate (monohydrate) 0,222g; Dextrose (monohydrate) 3,19g; Adenine 0,0275g; Water for injections to 100mL - Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	100
34	Túi đựng nước tiểu 2 lít	Dung tích đúng quy định. Đảm bảo độ bền khi sử dụng. Chia vạch rõ ràng, van không hở, chảy nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	7.500
35	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa dùng đựng bệnh phẩm. Có nhãn ghi thông tin bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	17.000
6.Găng tay y tế				
36	Găng khám bệnh các cỡ loại 1	Găng khám chất liệu Latex tự nhiên. Kích thước: Chiều rộng: Size XS 70(±10) mm; Size S: 80(±10) mm; Size M: 95(±10) mm; Size L 111(±10) mm; Size XL ≥111 mm. Chiều dài 240mm (±10mm). Độ dày ≥0,08mm; Đặc tính vật lý: Mức kiểm tra S2,AQL 4.0. Sức căng cơ trước già hóa tối thiểu 18Mpa. Sức căng cơ sau già hóa tối thiểu 14Mpa. Độ giãn dài trước già hóa ≥ 650%. Độ giãn dài sau già hóa ≥ 500%. Hàm lượng protein tối đa 200µg/g. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . AQL 2,5. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, CE, ISO 9001) hoặc tương đương.	Đôi	100.000
37	Găng khám bệnh các cỡ loại 2	Găng khám chất liệu cao su thiên nhiên. Có phủ bột chống dính. Chiều dài: 240mm (±10mm). Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng trơn nhẵn: 0,08mm; Vùng nhám: 0,11mm. Độ dày tối đa: Vùng trơn nhẵn: 0,2mm; Vùng trơn nhẵn: 0,203mm. Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS: 70mm±10mm, Size S: 80mm±10mm; Size M: 95mm±10mm, Size L: 110mm±10mm, Size XL ≥ 110mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥6,0 N. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥ 650%; Sau già hóa: ≥ 500%. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, ISO 9001) hoặc tương đương	Đôi	450.000
38	Găng khám không chứa bột tan	Chất liệu bằng cao su tự nhiên, màu xanh; Chiều dài Min: 240mm (±10)mm, chiều rộng: Size XS: ≤80mm; Size S: ≤90mm; Size M: ≤100mm; Size L: ≤110mm. Độ dày: ≤0,11mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	8.000

39	Găng tay sản khoa các cỡ	Găng tay chất liệu cao su thiên nhiên, ngón tay thẳng, cong. Sử dụng trong khám sản phụ khoa. Chiều dài găng: 490 (± 10)mm. Chiều rộng lòng bàn tay: Size 7: 89 (± 5)mm. Size 7½: 95 (± 5)mm. Lực kéo: + Trước lão hóa: $\geq 12.5N$ + Sau lão hóa: $\geq 9.5N$ - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: $\geq 700\%$ + Sau lão hóa: $\geq 550\%$ Đạt tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 13485) hoặc tương đương	Đôi	200
40	Găng tay phẫu thuật các cỡ loại 1	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Có phủ bột chống dính. Chiều dài: Size 6½: 275mm ± 5 mm; Size 7; 7½ và 8: 282mm ± 7 mm. Chiều rộng: Size 6½: 83mm ± 5 mm; Size 7: 89mm ± 7 mm; Size 7½: 95mm ± 5 mm; Size 8: 102mm ± 6 mm. Độ dày một lớp: 0,15mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước lão hóa $\geq 14N$, Sau lão hóa $\geq 11N$. Khả năng giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước lão hóa $\geq 750\%$; Sau lão hóa $\geq 600\%$. Lực kéo tối đa giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: 2N. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, ISO 9001) hoặc tương đương.	Đôi	90.000
41	Găng tay phẫu thuật các cỡ loại 2	Nguyên liệu: mũ kem latex ly tâm tự nhiên. Hàm lượng protein chiết suất $\leq 200\mu g$ / găng tay. Độ dài 280mm (± 5 mm). Độ dày ngón tay $\leq 0,13$ mm, lòng bàn tay $\leq 0,12$ mm, cổ tay $\leq 0,1$ mm. Độ bền kéo đứt trước lão hóa: 24MPa (± 3), Độ co dãn: $\geq 750\%$. Sau lão hóa 18MPa (± 3), Độ co dãn: $\geq 560\%$ Được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn chất lượng (ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000:2005, SA 8000:2014, GMP) hoặc tương đương	Đôi	30.000
Tổng cộng : 41 khoản				

Tên đơn vị báo giá

Email:.....

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ TRANG THIẾT BỊ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM Y TẾ

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định của BHYT(thông tư 04)	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất				Giá kê khai theo ND 98	Mã kê khai giá theo ND98
															Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:

(09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuê, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện. Giá trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế.

Báo giá này có hiệu lực..... kể từ ngày ký

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

